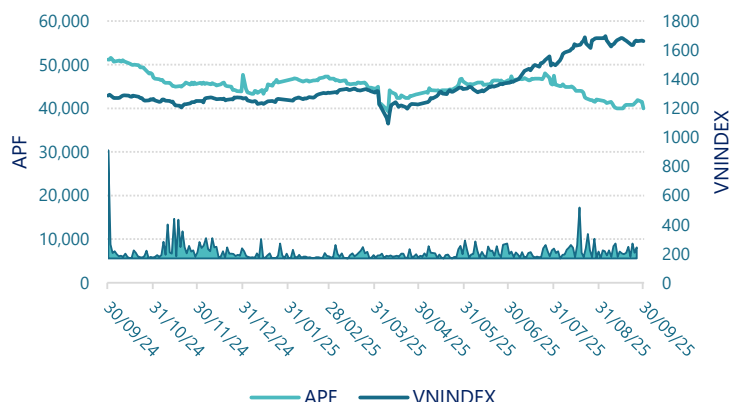


CTCP Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi (UPCOM: APF)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	40,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	51,561
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	39,294
SL cổ phiếu LH	32,747,339
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15,150
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,310
P/E	9.5
EPS	4,222

DT thuần

Q3/25

1,378

tỷ VNĐ

QoQ: ▼79.0| -5.4%

YoY: ▼27.0| -1.9%

LN sau thuế

Q3/25

31.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.10| 23.7%

YoY: ▲ 29.0| 1036%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

4.4%

+/- YoY: ▲ 2.7%

DT thuần

9T 2025

4,424

tỷ VNĐ

YoY: ▼950| -17.7%

LN sau thuế

9T 2025

118

tỷ VNĐ

YoY: ▼16.0| -12.5%

ROE

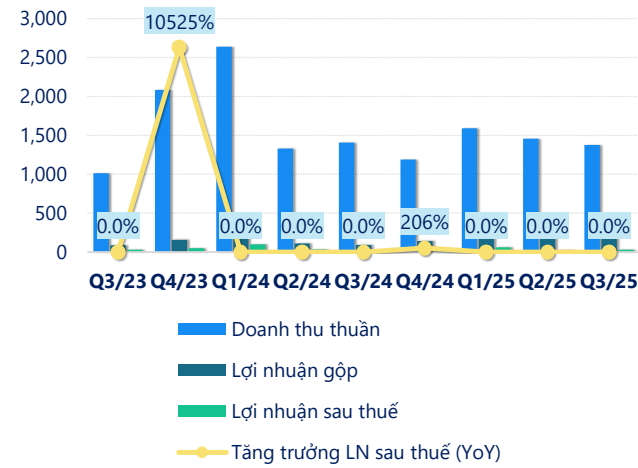
Q3/25

11.8%

+/- YoY: ▼ 4.7%

tỷ VNĐ

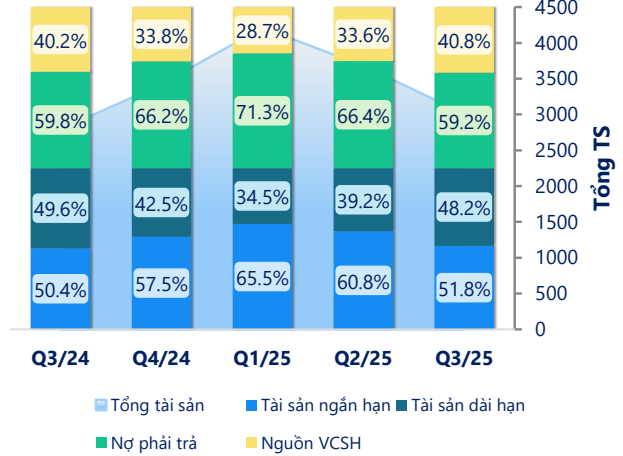
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

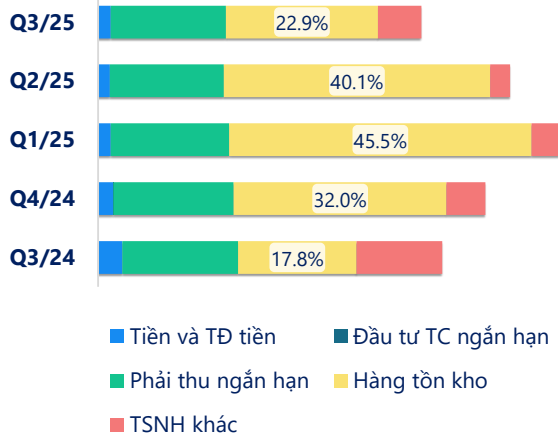
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



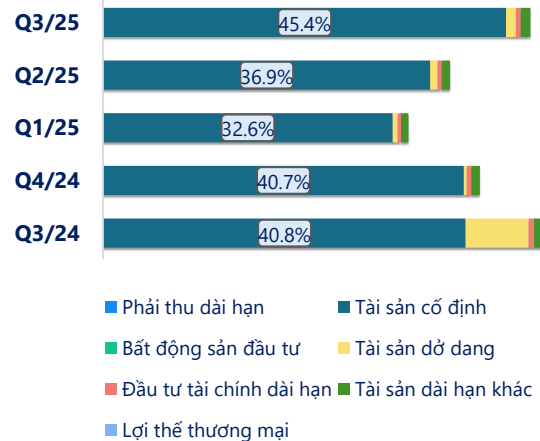
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

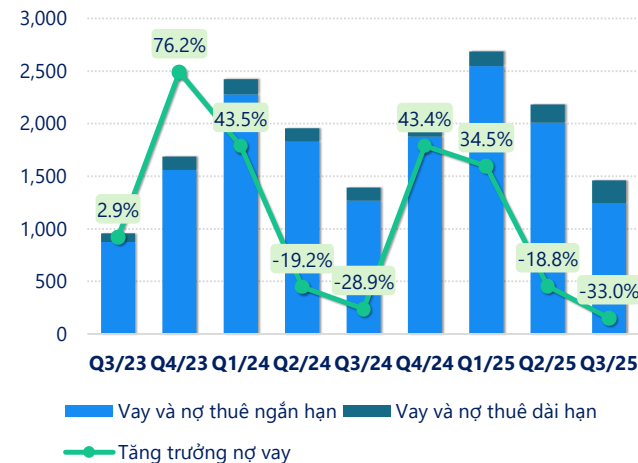
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

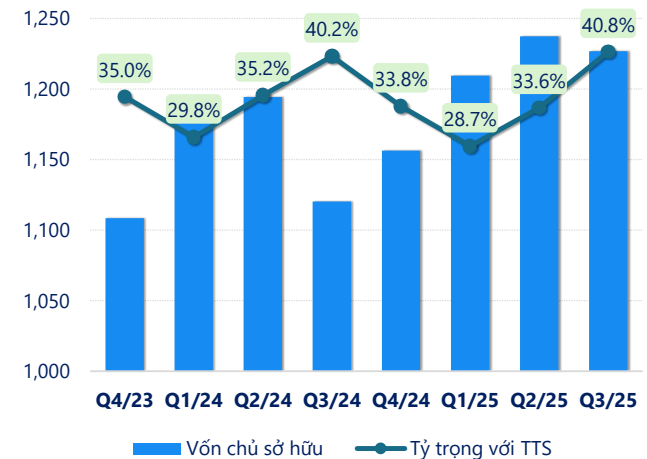
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

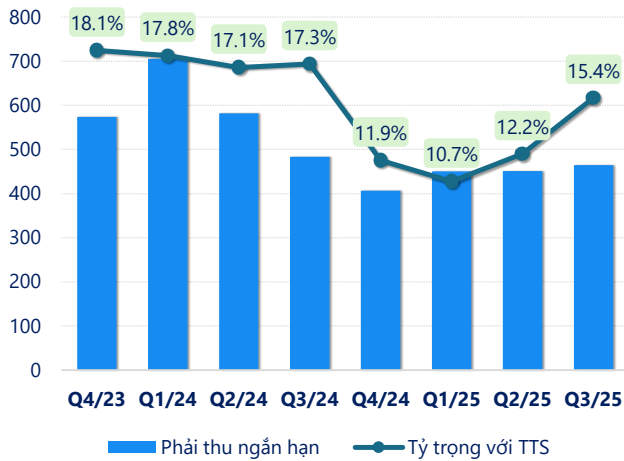
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



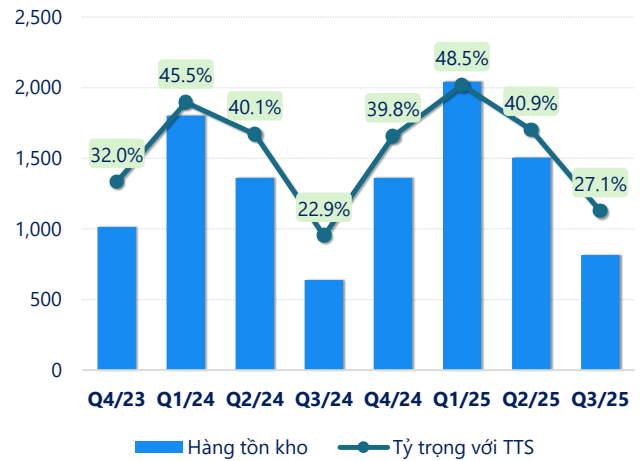
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


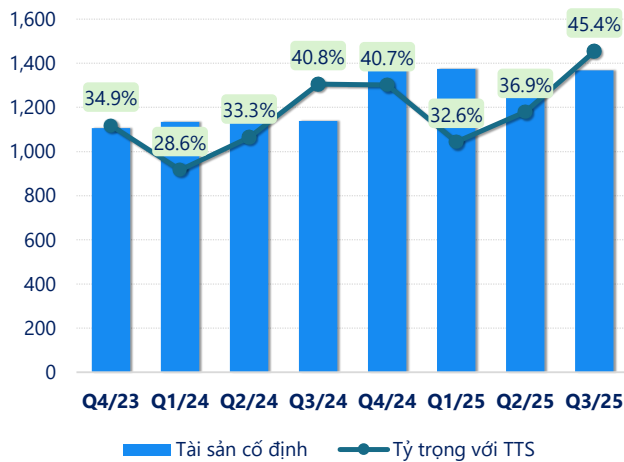
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


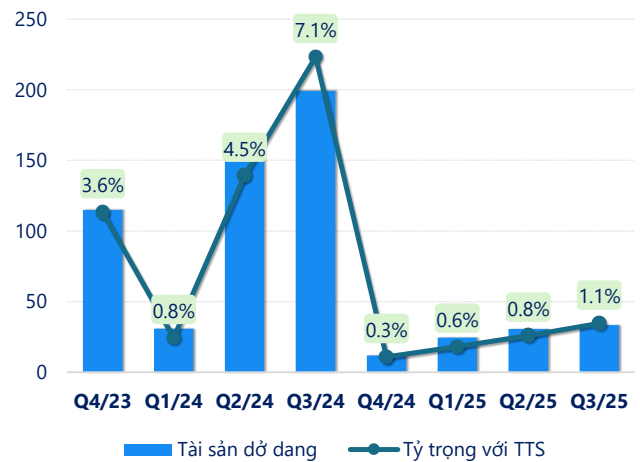
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

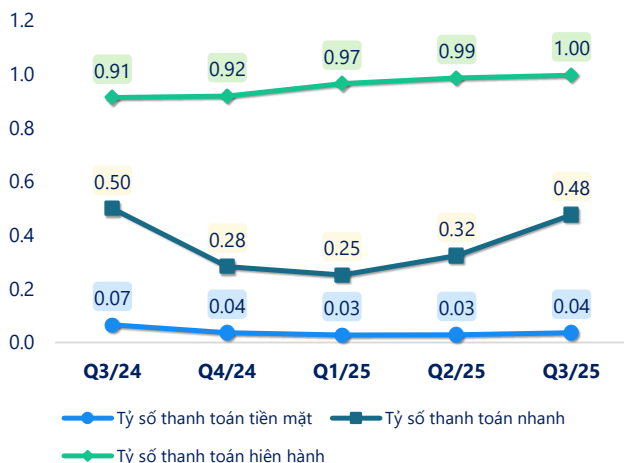
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

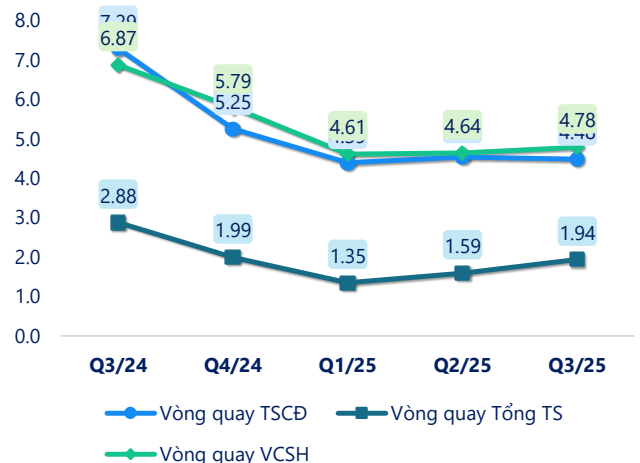
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	2,788	3,421	4,212	3,681	3,010
Tài sản ngắn hạn	1,405	1,966	2,761	2,239	1,558
Tiền và tương đương tiền	101	78.8	80.1	64.7	57.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	10.0	40.0	40.0	52.0
Phải thu ngắn hạn	484	407	450	451	464
Hàng tồn kho	637	1,360	2,041	1,505	814
Tài sản ngắn hạn khác	183	111	149	179	170
Tài sản dài hạn	1,383	1,455	1,451	1,442	1,452
Phải thu dài hạn	2.23	1.21	1.32	1.34	1.35
Tài sản cố định	1,138	1,391	1,375	1,358	1,368
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	199	11.9	24.5	30.6	33.3
Đầu tư tài chính dài hạn	16.1	16.8	15.9	16.5	16.5
Tài sản dài hạn khác	26.8	33.6	34.6	35.6	32.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,668	2,265	3,003	2,444	1,783
Nợ ngắn hạn	1,540	2,141	2,861	2,271	1,565
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,266	1,875	2,545	2,010	1,245
Phải trả người bán ngắn hạn	80.6	95.6	153	104	162
Nợ dài hạn	128	124	142	173	218
Vay và nợ thuê dài hạn	126	121	139	170	216
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,120	1,156	1,209	1,237	1,227
Vốn chủ sở hữu	1,120	1,156	1,209	1,237	1,227
Vốn điều lệ	298	298	298	298	327
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)